

Bản án số: 06 /2019/DS- ST

Ngày: 29/3/2019

V/v: “Tranh chấp HĐ tín dụng ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Chí Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thị Thanh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 378/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132A/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Đ

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị K – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 26/12/2018)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông M có mặt, ông N và bà T vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018; bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân Đ, ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vào ngày 29/01/2016 bà Nguyễn Kim T có vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo Hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 10.000.000 đồng.
- Lãi suất: 1%/tháng.
- Thời hạn vay: 08 tháng.
- Lãi quá hạn: 1,5%/tháng
- Mục đích vay: mua bán điểm tâm và nước giải khát

Tính đến ngày 29/3/2019 bà Thanh còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền cụ thể như sau:

- Vốn gốc: 8.500.000 đồng
- Lãi: 1.755.250 đồng (Tiền lãi từ ngày 06/02/2018 đến ngày 29/3/2019)

Do bà Nguyễn Kim T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên ngày 06/12/2018 Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Kim T phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/3/2019 là 10.255.250 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/3/2019 trở về sau theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 298/HĐTD ngày 29/01/2016 mà các bên đã ký kết.

Ngày 06/12/2018 Quỹ tín dụng nhân dân Đ có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Văn N liên đới trả số tiền nợ gốc là 8.500.000 đồng và số tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng 298/HĐTD ngày 29/01/2016. Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng này thì ông N không phải là người vay tiền mà chỉ có bà Kim T là người trực tiếp vay. Do đó, ông yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ về việc yêu cầu ông N liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng 298/HĐTD ngày 29/01/2016.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T vắng mặt tại Tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại Tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018 của Quỹ tín dụng nhân dân Đ đối với bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Văn N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Xác định Quỹ tín dụng nhân dân Đ là nguyên đơn, bà Nguyễn Kim T là bị đơn và ông Nguyễn Văn N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Nguyễn Kim T có nơi cư trú tại thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho bà Nguyễn Kim T đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng bà T và ông N vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, nhưng bà T và ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông N là phù hợp.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu ông N liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng 298/HĐTD ngày 29/01/2016. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án về một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ về việc yêu cầu ông N liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng 298/HĐTD ngày 29/01/2016.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/3/2019 là 10.255.250 đồng (trong đó tiền vốn: 8.500.000 đồng; tiền lãi: 1.755.250 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/3/2019 trở về sau theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trong suốt quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chỉ có lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD thể hiện bà Thanh ký tên vay tiền với mục đích mua bán diêm tâm và nước giải khát, sau khi Tòa án thụ lý đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà T không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015 xác định chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do vi phạm nghĩa vụ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 306, 317 và Điều 319 của Luật thương mại

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng 298/HĐTD ngày 29/01/2016.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Kim T phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ tổng số tiền là 10.255.250 đồng (trong đó tiền vốn: 8.500.000 đồng, tiền lãi: 1.755.250 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 29/01/2016.

Buộc bà Nguyễn Kim T tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 30/3/2019 về sau theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD ngày 29/01/2016 mà các bên đã ký kết.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 513.000 (Năm trăm mười ba nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Thanh có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0021830 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nam

Nguyễn Chí Thành

Nguyễn Thị Hồng Diễm

